TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Quang** và bà **Vũ Thị Lan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị May** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà **Hoàng Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2022 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1997. Có mặt

HKTT: Tổ dân phố N, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh **Nhữ Văn C**, sinh năm 1997. Vắng mặt.

HKTT: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1974. Vắng mặt.

HKTT: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn-chị Trương Thị H trình bày:

Chị và anh Nhữ Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 09/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình chồng tại thôn A, xã T. Quá trình chung sống anh chị chỉ hạnh phúc được vài tháng đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời. Chị tham gia góp ý, động viên anh C tìm công việc phù hợp, có thu nhập ổn định để cùng nhau phát triển kinh tế nhưng anh C không tiếp thu. Anh C còn thường xuyên bỏ nhà đi mà không cho chị biết đi đâu làm gì, chị hỏi thì anh C có lời nói, thái độ không tôn trọng chị dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm

2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Trong thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, qua mạng xã hội chị chỉ biết anh C đang ở trong miền Nam chứ không biết địa chỉ cụ thể. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh C không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị H1 trình bày:

Năm 2018, anh C và chị H kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng anh C, chị H sinh sống cùng gia đình bà tại thôn A, xã T. Gia đình tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận, tuy nhiên không tránh khỏi mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C mải chơi, chưa tu chí làm ăn, chị H và gia đình đã nhiều lần tham gia góp ý nhưng anh C không thay đổi. Do chán nản nên chị H bỏ về quê N ở từ năm 2019 không quay lại chung sống cùng anh C nữa, anh C cũng không tìm chị H về đoàn tụ, anh chị sống ly thân từ năm 2019 không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H xin ly hôn anh C, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà chỉ biết anh C vào Gia Lai làm công nhân còn làm ở đâu, địa chỉ cụ thể thế nào bà không biết. Thỉnh thoảng anh C có liên lạc về gia đình. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án về việc chị H xin ly hôn anh C, bà đã thông báo, trao đổi để anh C biết nội dung các văn bản đó, quan điểm của anh C cũng nhất trí ly hôn. Vợ chồng không có con chung, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Do công việc bận, anh C không thể về Tòa án để trình bày quan điểm được, qua trao đổi, anh C đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị H chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh C vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do là chưa nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H, xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nhữ Văn C.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh C vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Nhữ Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 09/3/2018, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm; anh C không phát huy vai trò của người chồng, người trụ cột gia đình mà có biểu hiện tụ tập chơi bời, thiếu trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng âm ỉ, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nên chị H bỏ về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019, từ đó đến nay hai bên không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh, chị chung sống. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh C, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị H, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H, xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Nhữ Văn C.

2- Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003880 ngày 13/4/2022 .

3- Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nhữ Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Quyên